TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.
- Các Hội thẩm nhân dân
+ Ông Phan Thanh Long.
+ Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Lưu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự :*

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Dương T, sinh năm:1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định (vắng mặt lần hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2020, các lời khai cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị Đinh Thị D yêu cầu:

1.1. Chị Đinh Thị D và anh Dương T có tìm hiểu và đi đến với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 14 tháng 5 năm 2013, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T không hiểu nhau, anh T có hành vi bạo lực gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2017 chị và anh T không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương T.

1.2. Về con chung vợ chồng: Chị và anh Dương T có một cháu tên Dương B, sinh ngày 15/10/2014, hiện đang ở với chị từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.1. Bị đơn: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2020, anh Dương T trình bày: Về điều kiện sống chung cũng như kết hôn giống như chị Đinh Thị D khai, nguyên nhân mâu thuẫn do anh và chị D không hiểu nhau, chị D không lo làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được và anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị D.

2.2. Về con chung anh và chị Đinh Thị D có một cháu như chị D khai, hiện chị D đang nuôi, khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh và chị Đinh Thị D có: 01 chiếc xe mô tô biển số 77E1-51412 hiện chị D đang quản lý và 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) số tiền này hiện cho anh Đinh Tr, sinh năm: 1972 ở thôn T, xã T mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); cho chị Đinh Thị G, sinh năm: 1987 ở thôn T, xã T nượn 9.000.000 đồng (chín triệu đồng); cho chị Đinh Y, sinh năm: 1990 ở thôn T, xã T mượn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và 01 rẫy trồng Keo - Bạch Đàn chưa có giấy tờ.

Bài phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa hôm nay nêu rõ trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị D.

- *Về con chung:* Giao cháu Dương B, sinh ngày 15/10/2014 cho chị Đinh Thị D tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Đinh Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Đinh Thị D không yêu cầu, anh Dương T có yêu cầu nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí HNGĐ-ST:* Chị Đinh Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về số tiền tạm ứng án phí chia tài sản của anh Dương T được hoàn trả do Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

1. *Về tố tụng*:

1.1. Anh Dương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương T.

1.2. Xét về yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương T: Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020 anh Dương T yêu cầu chia tài sản chung giữa anh và chị Đinh Thị D có 01 chiếc xe mô tô biển số 77E1-51412 hiện chị D đang quản lý và 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) số tiền này hiện cho anh Đinh Tr, sinh năm: 1972 ở thôn T, xã T mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); cho chị Đinh Thị G, sinh năm: 1987 ở thôn T, xã T nượn 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) ; cho chị Đinh Y, sinh năm: 1990 ở thôn T, xã T mượn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) Tòa án cho anh nộp dự phí khởi kiện, sau đó Tòa án đã triệu tập anh T, chị D, anh Tr, chị G, chị Y, anh T, anh Tr, chị G, chị Y vắng mặt, chị D chỉ thừa nhận có 01 chiếc xe mô tô biển số 77E1-51412 hiện chị D đang quản lý nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương T, nếu sau này có phát sinh tranh chấp anh T có quyền yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị D và anh Dương T có tìm hiểu và đi đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 14 tháng 5 năm 2013, hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, chị D và anh T không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh T có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị D thường xuyên bỏ đi. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2020 chị D và anh T không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, chị D và anh T điều có yêu cầu ly hôn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị D và anh T để hòa giải đoàn tụ, anh T cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh T. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị D là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về con chung:* Chị Đinh Thị D và anh Dương T có một con chung tên Dương B, sinh ngày 15 /10/2014 hiện đang sống với chị D, chị D và anh T điều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B. Xét thấy hiện nay cháu B đang sống với chị D, do chị D chăm sóc cháu B chu đáo, anh T cố tình lẩn tránh. Tránh làm sáo trộn cuộc sống của cháu B nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Dương B cho chị Đinh Thị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế cuộc sống.

4. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Đinh Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét .

5. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Đinh Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. *Về án phí HNST*: Chị Đinh Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí chia tài sản chung của anh Dương T, Hội đồng xét xử không xem xét nên anh T không phải chịu.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương T, anh T được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đinh Thị D được ly hôn với anh Dương T.

3. Về con chung: Giao cháu Dương B,sinh ngày 15 tháng 10 năm 2014 cho chị Đinh Thị D tiếp tục nuôi dưỡng.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên được quyền thay đổi người trục tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

5. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí HNST: Chị Đinh Thị D phải chịu 300.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước, chị D đã nộp án phí khởi kiện xin ly hôn 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0008948 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ.

7. Hoàn lại 800.000đồng cho anh Dương T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008950 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án xử sơ thẩm công khai,các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bình Định;
-Viện KSND huyện P (02 bản);
- Các đương sự;
- Chi cụ THA huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Cao Văn Đức